

Số: 169 /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 28 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch phân khu đô thị Nam sông Đuống,
phân khu số 2, tỷ lệ 1/2000**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 66.1/2025-NQ/CP ngày 18/7/2025 của Chính phủ về Quy định xử lý khó khăn, vướng mắc về việc lập mới, điều chỉnh và phê duyệt quy hoạch phân khu đối với khu vực hình thành đô thị khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Số 01/TT-BXD ngày 19/5/2021 về việc ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng; số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 Quy định về quy định chi tiết một số điều của Luật quy hoạch đô thị và nông thôn; số 17/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 ban hành định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1589/QĐ-TTg ngày 08/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Bắc Ninh: Số 637/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 624/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gia Bình đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050; số 836/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thị xã Thuận Thành đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 69/QĐ-UBND ngày 03/3/2020 về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch vùng huyện Lương Tài đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Văn bản số 918/UBND-KTN ngày 04/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh về việc chủ trương giao lập và tiếp nhận hồ sơ sản phẩm các Quy hoạch phân khu đô thị phía Nam Sông Đuống, tỉnh Bắc Ninh;

Xét đề nghị của Ban Quản lý dự án dân dụng và phát triển đô thị tỉnh Bắc Ninh số 2 tại Tờ trình số 27/TTr-DD&ĐT2 ngày 27/8/2025, Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 56/BCTĐ-SXD ngày 27/8/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch phân khu đô thị phía Nam sông Đuống, phân khu số 2, tỷ lệ 1/2.000 với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên quy hoạch: Quy hoạch phân khu đô thị phía Nam sông Đuống, phân khu số 2, tỷ lệ 1/2.000.

2. Phạm vi, ranh giới, quy mô lập quy hoạch:

a) Vị trí: Khu vực lập quy hoạch phân khu nằm trên địa bàn phường Trí Quả, phường Song Liễu, phường Thuận Thành, phường Trạm Lộ, phường Ninh Xá, xã Lâm Thao, xã Gia Bình, xã Lương Tài, xã Trung Chính, xã Trung Khê, tỉnh Bắc Ninh.

b) Phạm vi ranh giới:

- Phía Bắc: Giáp đường cao tốc Hà Nội - Gia Bình và cảng hàng không quốc tế Gia Bình;

- Phía Nam: Giáp tỉnh Hưng Yên và thành phố Hải Phòng;

- Phía Đông: Giáp thành phố Hải Phòng;

- Phía Tây: Giáp đường Tô Quyền và khu dân cư hiện trạng phường Trí Quả.

(Ranh giới cụ thể theo bản đồ ranh giới, phạm vi lập quy hoạch kèm theo)

b) Quy mô diện tích lập quy hoạch: Khoảng 12.857,6 ha.

(Ranh giới, quy mô theo bản vẽ quy hoạch kèm theo; được xác định cụ thể trong quá trình lập Quy hoạch phân khu phù hợp với Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh).

3. Tính chất khu vực lập quy hoạch:

- Khu đô thị sân bay mang tầm cỡ quốc tế, đô thị trong công viên.

- Phát triển đô thị quốc tế có tính phúc hợp với định hướng cao tầng, mật độ cao, đô thị dọc theo mô hình TOD.

- Các khu đô thị mới phục vụ sân bay; dịch vụ sân bay; thương mại tự do – phi thuế quan; khu Logistic đa phương thức, cảng cạn, công nghiệp phục vụ đường sắt cao tốc; nghiên cứu phát triển (khu RD); công nghệ thông tin; công viên phần mềm; trung tâm hội nghị, triển lãm; dịch vụ văn phòng, khách sạn,...

4. Dự báo quy mô dân số, các khu chức năng chính và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

a) Dự kiến quy mô dân số: Dân số hiện trạng khoảng 200.000 người; dự kiến dân thường trú khoảng 300.000 ÷ 350.000 người. Quy mô dân số tính cả dân số quy đổi từ lao động, khách du lịch, người sử dụng dịch vụ, quy mô phục vụ hạ tầng có thể đạt 750.000-800.000 người đến năm 2050.

b) Các khu chức năng chính:

- Khu đô thị sân bay đa chức năng mang tầm quốc tế (đô thị trong công viên, đô thị phức hợp đa chức năng, đô thị - thương mại dịch vụ và logistic đa phương thức, đô thị gắn với các dịch vụ sân bay,...).

- Khu đô thị, khu nhà ở phục vụ công nhân và người lao động trong các khu, cụm công nghiệp; khu dân cư cũ, làng xóm hiện trạng được cải tạo chỉnh trang đồng bộ về kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo hướng phát triển bền vững và bảo vệ môi trường;

- Các khu chức năng khác sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập quy hoạch phân khu phù hợp với định hướng Quy hoạch tỉnh và các quy hoạch cấp trên.

c) Dự kiến các chỉ tiêu về sử dụng đất, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật:

Căn cứ vào mục tiêu, tính chất và hiện trạng về dân số, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của khu vực lập quy hoạch để đề xuất phương án cơ cấu, chỉ tiêu sử dụng đất hợp lý trên cơ sở tính toán, dự báo quy mô dân số (tự nhiên, cơ học) đảm bảo Quy chuẩn và các quy định hiện hành. Đáp ứng định hướng phát triển đô thị theo Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2045, đồng thời bổ sung theo định hướng phát triển riêng đối với khu vực có động lực phát triển là Cảng hàng không quốc tế Gia Bình, định hướng khu vực Nam sông Đuống trở thành đô thị vệ tinh, giảm tải áp lực cho vùng Thủ đô Hà Nội và cảng hàng không quốc tế Nội Bài, đảm bảo tính linh hoạt và thích ứng cao theo thực tiễn và mục tiêu phát triển dài hạn.

Quy hoạch phân khu và quy hoạch chung đô thị được triển khai song song nên việc xác định chỉ tiêu cần bám sát mục tiêu, định hướng của quy hoạch tỉnh và quy hoạch chung, đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ trong hệ thống quy hoạch, tránh mâu thuẫn với mục tiêu phát triển.

Theo định hướng đến năm 2030, tỉnh Bắc Ninh sẽ trở thành đô thị loại I, vì vậy, chỉ tiêu cơ về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật được áp dụng theo định hướng của đô thị loại I, các chỉ tiêu đất dân dụng và đơn vị ở đảm bảo phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng:

- Chỉ tiêu đất dân dụng bình quân toàn đô thị (tương ứng với mật độ dân số bình quân toàn đô thị/diện tích đất dân dụng): $45-60m^2$ (trong trường hợp quy hoạch đô thị có tính đặc thù có thể lựa chọn chỉ tiêu khác với quy định nêu trên, nhưng phải có các luận chứng đảm bảo tính phù hợp và phải nằm trong ngưỡng $45-100m^2/người$ đối với đất dân dụng và $\geq 15m^2/người$ đối với đất đơn vị ở).

- Diện tích tối thiểu đất cây xanh sử dụng công cộng trong đô thị (không bao gồm đất cây xanh sử dụng công cộng trong đơn vị ở): $\geq 6m^2/người$.

- Chỉ tiêu tính toán diện tích bãi đỗ xe toàn đô thị: $\geq 4m^2/người$.

- Các chỉ tiêu công trình dịch vụ - công cộng cấp đô thị:

TT	Loại công trình	Chỉ tiêu sử dụng công trình tối thiểu			Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu	
		Đơn vị tính		Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
1	Trường trung học phổ thông	học sinh /1.000 người		40	m ² /1 học sinh	10
2	Bệnh viện đa khoa	giường/1.000 người		4	m ² /giường bệnh	100
3	Sân thể thao cơ bản				m ² /người	0,6
					ha/công trình	1,0
4	Sân vận động				m ² /người	0,8
					ha/công trình	2,5
5	Trung tâm Văn hóa - Thể thao				m ² /người	0,8
					ha/công trình	3,0
6	Nhà văn hóa (hoặc Cung văn hóa)	chỗ/1.000 người	8	ha/công trình	0,5	
7	Nhà thiếu nhi (hoặc Cung thiếu nhi)	chỗ/1.000 người	2	ha/công trình	1,0	
8	Chợ	công trình	1	ha/công trình	1,0	

- Các chỉ tiêu công trình dịch vụ - công cộng cấp đơn vị ở:

TT	Loại công trình	Chỉ tiêu sử dụng công trình tối thiểu		Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu	
		Đơn vị tính	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
1	Trường mầm non	cháu/1.000 người	50	m ² /1 cháu	12
2	Trường tiểu học	học sinh /1.000 người	65	m ² /1 học sinh	10
3	Trường trung học cơ sở	học sinh /1.000 người	55	m ² /1 học sinh	10
4	Trạm y tế	trạm	1	m ² /trạm	500
6	Sân chơi			m ² /người	0,5
				m ² /người	0,5
				ha/công trình	0,3
7	Trung tâm Văn hóa - Thể thao	công trình	1	m ² /công trình	5.000
8	Chợ	công trình	1	m ² /công trình	2.000

- Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

TT	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu
1	Giao thông		
-	Tỷ lệ đất giao thông tính đến đường phân khu vực (không bao gồm giao thông tính)	% đất xây dựng đô thị	≥18
2	Cấp nước		
-	Sinh hoạt	l/ng.ngđ	≥180
-	Thương mại dịch vụ, văn phòng, ...	lít/m ² sàn/ ngđ	≥2
-	Trường tiểu học, THCS, THPT	lít/học sinh/ ngđ	≥15

TT	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu
-	Trường mầm non	lít/cháu/ ngđ	≥ 75
-	Cấp nước chữa cháy		QCVN 06:2022/BXD
3	Hệ thống cung cấp năng lượng và chiếu sáng		
-	Sinh hoạt	w/người	≥ 700
-	Thương mại dịch vụ, văn phòng, ...	w/m ² sàn	≥ 30
-	Trường tiểu học, THCS, THPT	kw/học sinh	$\geq 0,15$
-	Trường mầm non	kw/cháu	$\geq 0,2$
-	Chiếu sáng đường phố	w/m ²	≥ 1
-	Chiếu sáng cây xanh	w/m ²	$\geq 0,5$
4	Thoát nước thải và xử lý chất thải rắn		
-	Thoát nước thải	% chỉ tiêu cấp nước	≥ 100
-	Chất thải rắn sinh hoạt	kg/ng/ngày	$\geq 1,3$
5	Hệ thống hạ tầng viễn thông thụ động		
-	Số thuê bao băng rộng di động trên 100 dân	thuê bao/100người	≥ 85
-	Tỷ lệ kết nối cáp quang	%	≥ 75

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật sẽ được xác định cụ thể trong quá trình nghiên cứu lập đồ án quy hoạch đảm bảo phù hợp với các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật theo chỉ tiêu đô thị loại I và Quy hoạch chung khu vực).

5. Yêu cầu, nguyên tắc và nội dung nghiên cứu lập quy hoạch:

5.1. Các yêu cầu chung:

- Thực hiện theo quy định pháp luật về quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng; Quy chuẩn, Tiêu chuẩn hiện hành và các quy định pháp luật liên quan.
- Phù hợp với định hướng quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh.
- Quy hoạch phải đáp ứng được yêu cầu thực tế, phù hợp với xu thế phát triển kinh tế - xã hội và định hướng phát triển của đô thị trong tương lai, nâng cao chất lượng môi trường sống, cơ sở hạ tầng và cảnh quan đô thị; bảo đảm tính kế thừa, không ảnh hưởng lớn đến các dự án đầu tư đang triển khai.

5.2. Các định hướng chính theo quy hoạch cấp trên:

- Phát triển đô thị quốc tế có tính phức hợp với định hướng cao tầng, đô thị dọc theo mô hình TOD với kiến trúc hiện đại dọc các tuyến đường kết nối Hà Nội – Cảng hàng không quốc tế Gia Bình – Hải Phòng, đường 285B, 282B, đường kết nối với trung tâm hành chính tỉnh,... theo mô hình TOD.
- Phát triển các chuỗi các công trình dịch vụ - hỗn hợp dọc theo tuyến đường kết nối Cảng hàng không quốc tế Gia Bình với Thủ đô Hà Nội và kết nối thành phố Hải Phòng để tạo điểm nhấn về không gian đô thị.
- Phát triển các khu phức hợp gồm các chức năng: Dịch vụ Cảng hàng không quốc tế; thương mại tự do - phi thuế quan; khu logistics đa phương thức; cảng cạn; khu công nghiệp công nghệ cao; khu nghiên cứu phát triển (R&D); trung tâm hội nghị, triển lãm; dịch vụ văn phòng, khách sạn,...
- Bổ sung các khu dịch vụ, sinh thái, văn hóa thể thao và sân golf...

- Bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa, thúc đẩy phát triển kinh tế - du lịch

5.3. Một số yêu cầu, phân khu chức năng, định hướng quy hoạch sử dụng đất, tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

5.3.1. Phân khu chức năng:

a) Cụ thể hóa định vị và chức năng phân khu:

Xác định rõ ranh giới, quy mô, tính chất và vai trò của Phân khu số 2 trong khu vực Nam Sông Đuống, phù hợp với vị trí chiến lược và định hướng phát triển đô thị quốc tế - thông minh - sinh thái nêu trong Quy hoạch tỉnh.

b) Cấu trúc không gian đô thị:

- Xác định vị trí, quy mô và chức năng của các khu vực trọng tâm của phát triển như trung tâm thương mại- logistic đa phương thức; khu TOD; khu dịch vụ sân bay; khu đô thị sinh thái ven sông; khu phát triển gắn với các yếu tố văn hóa.

- Quy định nguyên tắc tổ chức không gian mở, trực hành lang phát triển, trục thương mại dịch vụ mang tính điểm nhân, các nguyên tắc tổ chức không gian khu vực làng xóm hiện hữu và khu vực cảnh quan ven sông và các công trình tôn giáo tín ngưỡng.

c) Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật chiến lược:

- Xác định chính xác hướng tuyến, quy mô, chỉ giới và kết nối của các tuyến giao thông đối ngoại, đối nội (Vành đai 4, QL.17, QL.38, đường tỉnh, đường sắt cao tốc Hà Nội - Quảng Ninh, đường sắt quốc gia và đường sắt đô thị);

- Cụ thể hóa cao độ nền xây dựng, giải pháp thoát nước mưa, tiêu úng, cấp nước, cấp điện, viễn thông, xử lý chất thải theo tiêu chuẩn, đồng bộ với hạ tầng liên vùng.

d) Bố trí quỹ đất hạ tầng xã hội:

- Phân bổ quỹ đất và xác định quy mô công trình giáo dục, y tế, văn hóa - thể thao, thương mại - dịch vụ và cây xanh công cộng đáp ứng chỉ tiêu đô thị loại I và dân số dự báo;

- Gắn hạ tầng xã hội với các khu TOD, trung tâm và khu ở mới để tăng sức hút dân cư.

d) Bảo tồn và khai thác giá trị di sản:

Khoanh vùng bảo vệ di tích, làng cổ; quy định chỉ giới xây dựng, chiều cao công trình và hình thức kiến trúc trong khu vực bảo tồn;

e) Tích hợp giải pháp môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu:

- Quy định tỷ lệ diện tích cây xanh, mặt nước; thiết kế hạ tầng xanh, thấm và công trình tiết kiệm năng lượng;

- Đưa vào các giải pháp chống ngập, bảo vệ hành lang thoát lũ và sử dụng bền vững tài nguyên nước.

g) Cơ chế triển khai và quản lý phát triển:

- Xác định danh mục dự án ưu tiên, tiến độ thực hiện, nguồn vốn và cơ chế huy động đầu tư (bao gồm PPP, xã hội hóa);

- Đề xuất nguyên tắc kiểm soát phát triển, quản lý không gian kiến trúc, hạ tầng và môi trường phù hợp với định hướng cấp trên.

5.3.2. Các yêu cầu về hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật

a) Các yêu cầu về hạ tầng xã hội:

- Bố trí trung tâm hành chính cấp phường/xã tại vị trí thuận lợi giao thông, gần các trục chính và nút giao quan trọng. Cải tạo hoặc xây dựng mới Trụ sở các cơ quan hành chính cấp phường/xã đồng bộ với khu trung tâm đô thị.

- Đảm bảo đầy đủ các cấp học theo tiêu chuẩn (mầm non, tiểu học, THCS, THPT).

- Phát triển bệnh viện đa khoa cấp vùng, trung tâm y tế chất lượng cao, phòng khám đa khoa và trạm y tế phường/xã.

- Quy mô bệnh viện bảo đảm ≥ 4 giường bệnh/1.000 dân. Tích hợp y tế dự phòng, cấp cứu, chăm sóc sức khỏe trong mạng lưới y tế đô thị;

- Xây dựng trung tâm văn hóa - thể thao cấp đô thị và cấp vùng;

- Bảo đảm mỗi đơn vị ở có nhà văn hóa, sân thể thao cộng đồng;

- Tổ chức không gian sự kiện văn hóa - lễ hội gắn với yếu tố văn hóa bản địa

- Phát triển trung tâm thương mại, siêu thị, chợ đầu mối, chợ dân sinh theo mạng lưới hợp lý.

- Hình thành các khu dịch vụ - thương mại hỗn hợp ở khu TOD, khu trung tâm và ven trục chính.

- Phát triển công viên trung tâm, công viên ven sông, công viên- vườn hoa phân tán đến từng nhóm nhà và hành lang cây xanh kết nối các khu chức năng.

- Các chỉ tiêu về hạ tầng xã hội: Đảm bảo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng.

b) Các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật:

Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ phù hợp với nhu cầu của dự án, cũng như phù hợp với khu vực lân cận theo định hướng của quy hoạch chung đã được phê duyệt, đảm bảo khớp nối hạ tầng với khu vực xung quanh. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật bao gồm:

- Quy hoạch giao thông: Xác định chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, mặt cắt ngang các tuyến đường giao thông trong đô thị, mức độ thể hiện đến cấp đường phân khu vực. Tổ chức giao thông an toàn, đảm bảo liên hệ giữa các khu vực và các liên hệ với mạng lưới bên ngoài. Xác định vị trí quy mô các bãi đỗ xe.

- Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

+ Về san nền, thoát nước mưa, thoát nước thải: Xác định mạng lưới thoát nước mưa, nước thải, vị trí quy mô khu xử lý nước thải, mạng lưới đường ống; Đề xuất các giải pháp san nền và cao độ chuẩn bị kỹ thuật phù hợp với từng khu vực, đảm bảo bám theo địa hình tự nhiên. Xác định cao độ san nền không ché, độ dốc san nền cho từng khu vực xây dựng.

+ Về cấp nước: Xác định nhu cầu và nguồn nước. Đề xuất mạng lưới đường ống cấp nước và các thông số kỹ thuật cần thiết. Chủ động xây dựng nhà máy nước để phục vụ nhu cầu cấp nước trong khu vực quy hoạch, ngoài ra được cấp nước sạch bổ sung

+ Về cấp điện: Xác định nhu cầu cấp điện, nguồn cung cấp điện, vị trí các trạm điện phân phối, mạng lưới đường dây trung thế, hạ thế và hệ thống điện chiếu sáng phải được nghiên cứu bố trí hợp lý, đảm bảo chiếu sáng, đồng thời làm tăng thêm giá trị thẩm mỹ cho khu vực.

+ Về hạ tầng viễn thông thụ động: Xác định nhu cầu và mạng lưới hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động. Hạ tầng kỹ thuật được thiết kế theo định hướng dùng chung giữa các ngành, hạ tầng kỹ thuật thụ động trong nhà chung cư, công trình công cộng, khu chức năng, bố trí các quỹ đất công cộng và các vị trí trên các công trình để xây dựng, lắp đặt các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

c) Quy hoạch không gian ngầm:

- Xác định được khu vực xây dựng, khu vực hạn chế xây dựng, khu vực cấm xây dựng công trình ngầm;

- Xác định được vị trí, quy mô, hướng tuyến, phân tầng của hệ thống giao thông ngầm, hệ thống tuy-nen, hào kỹ thuật, cống bể kỹ thuật, các khu vực xây dựng công trình công cộng, công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật ngầm và dự kiến đầu nối kỹ thuật, đầu nối không gian;

- Các công trình ngầm phải đảm bảo kết nối an toàn, đồng bộ với nhau và với các công trình trên mặt đất về không gian và đầu nối hạ tầng kỹ thuật.

d) Đánh giá môi trường chiến lược:

- Đánh giá hiện trạng môi trường về điều kiện địa hình; điều kiện tự nhiên, chất thải rắn, nước thải, tiếng ồn, các vấn đề xã hội, văn hóa, cảnh quan thiên nhiên;

- Phân tích, dự báo những tác động tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến môi trường; đề xuất hệ thống các tiêu chí bảo vệ môi trường để đưa ra các giải pháp quy hoạch không gian và hạ tầng kỹ thuật tối ưu;

- Đề ra các giải pháp giảm thiểu, khắc phục tác động đối với dân cư, cảnh quan thiên nhiên; không khí, tiếng ồn khi triển khai thực hiện quy hoạch đô thị;

- Lập kế hoạch giám sát môi trường về kỹ thuật, quản lý và quan trắc môi trường.

e) Yêu cầu về các nội dung của quy hoạch phân khu:

Chi tiết các yêu cầu đối với công tác điều tra, khảo sát, thu thập tài liệu, số liệu và phân tích, đánh giá hiện trạng; yêu cầu về các nội dung của quy hoạch phân khu; danh mục bản vẽ, thuyết minh, phụ lục kèm theo; số lượng, quy cách của sản phẩm hồ sơ quy hoạch phân khu; yêu cầu về nội dung, hình thức, đối tượng và kế hoạch lấy ý kiến về quy hoạch phân khu được nêu cụ thể trong Nhiệm vụ quy hoạch phân khu đô thị phía Nam sông Đuống, phân khu số 2 kèm theo.

6. Danh mục hồ sơ quy hoạch:

Thành phần hồ sơ quy hoạch thực hiện theo Thông tư 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.

7. Kinh phí thực hiện:

- Kinh phí thẩm định quy hoạch được thực hiện theo Thông tư 35/2023/TT-BTC ngày 31/5/2023 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định các đồ án quy hoạch và các quy định hiện hành khác có liên quan.

- Kinh phí tổ chức lập quy hoạch thực hiện theo Thông tư số 17/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng Ban hành định mức, phương pháp lập và quản lý cho hoạt động quy hoạch Đô thị và Nông thôn.

8. Tổ chức thực hiện:

- Đơn vị tổ chức lập quy hoạch: Ban Quản lý dự án dân dụng và phát triển đô thị tỉnh Bắc Ninh số 2;

- Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng.

- Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh Bắc Ninh

- Thời gian hoàn thành quy hoạch: Thời gian lập quy hoạch phân khu không quá 09 tháng theo quy định của pháp luật (không kể thời gian thẩm định, phê duyệt).

Điều 2. Ban Quản lý dự án dân dụng và phát triển đô thị tỉnh Bắc Ninh số 2 và các đơn vị có liên quan căn cứ Nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt tại Quyết định này tổ chức lập quy hoạch theo các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; các Sở: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Khoa học và Công nghệ, UBND phường Trí Quả, phường Song Liễu, phường Thuận Thành, phường Trạm Lộ, phường Ninh Xá, xã Lâm Thao, xã Gia Bình, xã Lương Tài, xã Trung chính, xã Trung Khê và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, KTN, KTTH, THĐT;
- Lưu: VT, KTN.^{Minh}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Thịnh